BÀI GIẢNG: KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TRUYỆN

CHUYÊN ĐỀ: ĐỌC HIỂU

MÔN: NGỮ VĂN 12

GIÁO VIÊN: ĐOÀN MẠNH LINH

MỤC TIÊU

- ✓ *Tái hiện lại kiến thức chung về truyện*
- ✓ *Nắm được các phương pháp, kỹ năng làm bài.*

KỸ NĂNG XỬ LÝ CÂU HỎI NHẬN BIẾT

1 Yêu cầu câu hỏi nhận biết

- Đánh giá khả năng tái hiện thông tin.
- Nhận diện những nội dung tường minh.
- Trả lời ngắn gọn, trực tiếp vào câu hỏi.

2 Dạng câu hỏi về ngôi kể

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất là người kể xưng "tôi" hoặc một hình thức tự xưng tương đương. Người kể chuyện ngôi thứ nhất có thể là nhân vật chính, nhân vật phụ, người chứng kiến, người kể lại câu chuyện được nghe từ người khác hay xuất hiện với vai trò tác giả "lộ diện". Người kể chuyện ngôi thứ nhất thường là người kể chuyện hạn tri (không biết hết mọi chuyện).
- Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật, không tham gia vào mạch vận động của cốt truyện và chỉ được nhận biết qua lời kể. Người kể chuyện ngôi thứ ba có khả năng nắm bắt tất cả những gì diễn ra trong câu chuyện, kể cả những biểu hiện sâu kín trong nội tâm nhân vật, do vậy có khả năng trở thành người kể chuyện toàn tri (biết hết mọi chuyện).
- Để xác định được ngôi kể cần trả lời các câu hỏi sau:

+ Người kể chuyện có xưng tôi hay không ?

+ Người kể chuyện đứng ngoài kể lại hay là một nhân vật ở trong tác phẩm ?

+ Người kể chuyện biết tất cả mọi chuyện hay không ?

- Cách trả lời:

+ Ngôi kể trong văn bản là: ngôi kể thứ…

+ Tuyệt đối không ghi vắn tắt: ngôi 1, ngôi 3

3 Dạng câu hỏi xác định điểm nhìn

- Điểm nhìn trần thuật là vị trí, điểm quan sát mà người kể chuyện lựa chọn để kể lại câu chuyện của mình cho người đọc. Có thể phân chia điểm nhìn trong tác phẩm tự sự thành nhiều loại khác nhau:

+ Điểm nhìn của người kể chuyện

+ Điểm nhìn của nhân vật (Chí Phèo, bá Kiến, thị Nở,…)

+ Điểm nhìn bên ngoài (miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều nhân vật không biết).

+ Điểm nhìn bên trong (kể và tả xuyên qua cảm nhận, ý thức của nhân vật).

+ Điểm nhìn không gian (nhìn xa - nhìn gần).

+ Điểm nhìn thời gian (hiện tại, quá khứ).

+ Điểm nhìn mang tính tâm lí, tư tưởng.

- Để trả lời câu hỏi xác định điểm nhìn, em bám sát ngôi kể và trả lời hai câu hỏi:

+ Ngôi kể trong văn bản là ngôi kể thứ mấy ?

+ Người kể chuyện biết tất cả mọi chuyện hay bị hạn chế ?

- Cách trả lời:

+ Điểm nhìn trong văn bản/đoạn trích: là điểm nhìn theo ngôi kể thứ nhất - điểm nhìn hạn tri

+ Điểm nhìn trong văn bản/ đoạn trích là điểm nhìn theo ngôi kể thứ ba - điểm nhìn toàn trí/hạn tri.

3 Dạng câu hỏi xác định đề tài, chủ đề

- Đề tài (cái được nói đến): Là phạm vi đời sống, hiện thực được tác giả lựa chọn để phản ánh trong tác phẩm. Đề tài thường trả lời cho câu hỏi: Tác phẩm này viết về ai? Về việc gì, điều gì? Ở đâu? (mang tính khái quát, bề nổi).

- Chủ đề (điều muốn nói qua đề tài): Là vấn đề trung tâm, ý nghĩa cốt lõi, tư tưởng hay thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua đề tài đó. Chủ đề trả lời cho câu hỏi: Qua đề tài này, tác giả muốn thể hiện thái độ, cảm xúc hay bài học gì? (mang tính chiều sâu, bản chất).

- Lưu ý: Đề tài ngắn, chủ đề dài. Đề tài chỉ cần nêu thật ngắn gọn (1 cụm từ, 1 câu văn ngắn). Chủ đề bắt buộc phải là một hoặc vài câu hoàn chỉnh thể hiện rõ tư tưởng, thông điệp, cảm xúc của tác giả.

Ví dụ: Truyện ngắn Lão Hạc - Nam Cao

- Đề tài: Viết về người nông dân nghèo khổ trong xã hội thực dân phong kiến cũ.

- Chủ đề: Thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của Nam Cao trước số phận đau thương của người nông dân (tiêu biểu là lão Hạc). Đồng thời, tác giả kịch liệt lên án xã hội tàn ác đã đẩy họ vào bước đường cùng và trân trọng, ngợi ca những phẩm chất đạo đức cao quý, lòng tự trọng của họ.

4 Dạng câu hỏi xác định sự kiện, chi tiết tiêu biểu

- Sự kiện tiêu biểu là những sự kiện cốt lõi, quan trọng quyết định sự phát triển của cốt truyện.

Ví dụ: Sự kiện Lão Hạc bán cậu Vàng, Lão Hạc tự tử bằng bả chó xin được của Binh Tư

- Chi tiết tiêu biểu là những hình ảnh, hành động, lời nói đặc sắc có sức chứa lớn, giúp làm nổi bật tính cách nhân vật, chủ đề và tư tưởng của tác phẩm.

Ví dụ: chi tiết lão Hạc khóc khi kể chuyện cho ông giáo nghe chuyện mình bán cậu Vàng

- Cách xác định sự kiện:

+ Dựa vào bố cục: Tìm các sự kiện mở đầu (thắt nút), phát triển, đỉnh điểm (cao trào) và kết thúc (mở nút).

+ Dựa vào nhân vật: Xem xét những sự kiện nào tác động mạnh mẽ đến số phận, tâm lý hoặc hành động của nhân vật chính.

- Cách xác định chi tiết tiêu biểu:

+ Nhận diện bằng dấu hiệu: Đó thường là chi tiết gây ấn tượng mạnh, lặp đi lặp lại nhiều lần, hoặc tạo ra bước ngoặt bất ngờ cho câu chuyện.

+ Phân tích giá trị: Đánh giá xem chi tiết đó có giúp thể hiện rõ nét tính cách nhân vật không, hoặc có gửi gắm thông điệp/tư tưởng gì của tác giả không.

KỸ NĂNG XỬ LÝ CÂU HỎI THÔNG HIỂU

1 Yêu cầu câu hỏi thông hiểu

- Nhằm đánh giá khả năng suy luận, tìm hiểu, phân tích những chi tiết, đặc điểm cụ thể về nội dung, hình thức của các kiểu loại văn bản.

- Yêu cầu trả lời: cụ thể, kỹ càng, sâu sắc; có thể gạch đầu dòng hoặc viết thành 1 đoạn văn NGẮN.

2 Dạng câu hỏi: Tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, điểm nhìn.

a. Tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể thứ nhất:

+ Tạo độ tin cậy và chân thực cao: Người kể trực tiếp chứng kiến hoặc trải qua sự kiện. Độc giả có cảm giác như đang trực tiếp nghe một người bạn tâm sự hoặc chia sẻ trải nghiệm thực tế.

+ Đi sâu vào thế giới nội tâm: Cho phép người đọc khám phá những dòng suy nghĩ, dằn vặt, và diễn biến tâm lý thầm kín nhất của nhân vật một cách tự nhiên và sinh động nhất. Đồng thời đưa ra những nhận xét, đánh giá về đối tượng trực tiếp.

+ Tăng tính biểu cảm và sự đồng cảm: Giúp người đọc dễ dàng đặt mình vào vị trí của nhân vật, cùng khóc, cùng cười và chia sẻ những trăn trở về chủ đề của tác phẩm.

- Hạn chế: ngôi kể này cũng có hạn chế là góc nhìn bị giới hạn. Người kể chỉ biết những gì mình tham gia hoặc chứng kiến, không thể hiện được toàn diện bức tranh khách quan của toàn bộ câu chuyện nếu không có sự tham gia của các nhân vật khác.

=> Chính hạn chế lại trở thành ưu thế nếu tác giả muốn tạo sự bất ngờ phần mở nút thắt câu chuyện.

* *Ví dụ:* Nêu tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, điểm nhìn trong đoan trích dưới đây: *"Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết. Một người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ một ngày một thêm đáng buồn..."*

- Tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể thứ nhất:

+ Tạo độ tin cậy và chân thực cao: Người kể trực tiếp chứng kiến hoặc trải qua sự kiện. Độc giả có cảm giác như đang trực tiếp nghe một người bạn tâm sự hoặc chia sẻ trải nghiệm thực tế.

+ Đi sâu vào thế giới nội tâm: Cho phép người đọc khám phá những dòng suy nghĩ, dằn vặt, và diễn biến tâm lý thầm kín nhất của nhân vật một cách tự nhiên và sinh động nhất. Đồng thời đưa ra những nhận xét, đánh giá về đối tượng trực tiếp.

+ Tăng tính biểu cảm và sự đồng cảm: Giúp người đọc dễ dàng đặt mình vào vị trí của nhân vật, cùng khóc, cùng cười và chia sẻ những trăn trở về chủ đề của tác phẩm.

- Hạn chế: ngôi kể này cũng có hạn chế là góc nhìn bị giới hạn. Người kể chỉ biết những gì mình tham gia hoặc chứng kiến, không thể hiện được toàn diện bức tranh khách quan của toàn bộ câu chuyện nếu không có sự tham gia của các nhân vật khác.

=> Chính hạn chế lại trở thành ưu thế nếu tác giả muốn tạo sự bất ngờ phần mở nút thắt câu chuyện.

b. Tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể thứ ba:

- Tạo cái nhìn khách quan và toàn diện: Người kể chuyện đứng ngoài sự việc, giúp các sự kiện diễn ra tự nhiên và phản ánh hiện thực một cách công bằng, không bị ảnh hưởng bởi định kiến cá nhân của một nhân vật, khái quát được những bối cảnh rộng lớn.

- Đi sâu vào nội tâm nhiều nhân vật: Không bị giới hạn trong suy nghĩ của một người, người kể có thể đồng thời thấu suốt tâm tư, tình cảm và động cơ của nhiều nhân vật khác nhau trong cùng một phân cảnh.

- Chuyển đổi không gian, thời gian linh hoạt: Có thể dễ dàng kể về những sự kiện diễn ra cùng lúc ở hai địa điểm khác nhau, hoặc ngược dòng quá khứ và đi tới tương lai một cách mạch lạc.

c. Tác dụng của việc dịch chuyển điểm nhìn: (chuyển đổi giữa các ngôi kể hoặc giữa các góc nhìn của nhiều nhân vật).

- Phản ánh hiện thực khách quan và toàn diện: Một sự việc được soi chiếu qua lăng kính của nhiều nhân vật khác nhau sẽ giúp người đọc thấy được bức tranh toàn cảnh, tránh cái nhìn phiến diện hay định kiến.

- Đi sâu vào thế giới nội tâm đa dạng: Giúp tác giả đồng thời khắc họa chiều sâu tâm lý của cả nhân vật chính lẫn phụ, tạo nên những tính cách phức tạp và chân thực như đời thực -> Tính đa thanh, đa giọng điệu -> sự hấp dẫn, phong phú.

- Thể hiện tư tưởng nghệ thuật mới mẻ: Khẳng định rằng cuộc sống không chỉ có một sự thật đơn nhất, bản chất của con người và cuộc đời luôn đa đoan, phức tạp và cần được thấu hiểu từ nhiều phía.

3 Dạng câu hỏi: Ý nghĩa, tác dụng của những chi tiết tiêu biểu trong văn bản

Thực hiện qua ba bước:

- Xác định vị trí: Chi tiết xuất hiện ở phần nào, trong hoàn cảnh hay tình huống nào của tác phẩm? (ví dụ: mở đầu, cao trào, hay đoạn kết).Mô tả cụ thể: Trích dẫn hoặc thuật lại chính xác chi tiết đó.

- Phân tích ý nghĩa - (Nghệ thuật & Nội dung)

+ Đối với nhân vật: Chi tiết giúp khắc họa rõ nét ngoại hình, hành động, diễn biến tâm lý, hay số phận của nhân vật.

+ Đối với cốt truyện: Chi tiết đóng vai trò là "mắt xích" thắt nút, mở nút, tạo bước ngoặt, hoặc đẩy câu chuyện lên cao trào.

- Đánh giá tác dụng và tư tưởng:

+ Thể hiện chủ đề, thông điệp: Qua chi tiết đó, nhà văn muốn gửi gắm thông điệp, triết lý sống hay thái độ gì đối với hiện thực?

+ Chi tiết góp phần thể hiện phong cách nghệ thuật, tài năng tác giả ra sao?

=> Chi tiết tiêu biểu là "nhãn tự" của văn xuôi, là yếu tố nhỏ mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Việc phân tích chi tiết này giúp làm nổi bật chủ đề, đào sâu tính cách nhân vật, thúc đẩy cốt truyện và thể hiện tư tưởng, tài năng của tác giả.

4 Dạng câu hỏi: Vai trò, tác dụng của lời người kể chuyện và lời nhân vật

- Lời người kể chuyện: Là lời của người dẫn chuyện, dùng để tả, kể, dẫn dắt sự việc.

+ Dẫn dắt cốt truyện: Định hình bối cảnh (thời gian, không gian) và liên kết các sự kiện giúp câu chuyện phát triển mạch lạc. Đặc biệt, là sự điều phối nhịp điệu, có thể làm tăng tiến hoặc làm chậm lại tốc độ phát triển của cốt truyện để tạo sự kịch tính hoặc lắng đọng.

+ Khắc họa nhân vật: Cung cấp thông tin về ngoại hình, lai lịch và phân tích sâu sắc những diễn biến tâm lý thầm kín của nhân vật.

+ Truyền tải tư tưởng: Bộc lộ trực tiếp thái độ, giọng điệu của tác giả, từ đó định hướng cảm xúc và gợi mở thông điệp cho người đọc.

- Lời nhân vật : là lời nói của nhân vật qua đối thoại hoặc độc thoại nội tâm

+ Cá tính hóa nhân vật: Việc sử dụng ngôn ngữ thân mật, sinh hoạt giúp bộc lộ tự nhiên, rõ nét đặc trưng về xuất thân, tâm lý, lứa tuổi, trình độ và tính cách riêng biệt của từng nhân vật.

+ Hiện thực hóa sinh động bức tranh đời sống: Lời thoại mang đậm hơi thở đời thường là chất liệu quan trọng để tái hiện bức tranh cuộc sống một cách chân thực, khách quan, tạo cảm giác gần gũi cho người đọc.

+ Thúc đẩy cốt truyện, thể hiện tư tưởng, thông điệp: Các cuộc đối thoại điều hướng mạch vận động của sự kiện, đồng thời là phương thức kín đáo để giúp tác giả gửi gắm thông điệp, triết lý nhân sinh.

- 3 phương diện cốt lõi để lí giải tình cảm, thái độ này:

+ Sự đồng cảm và ngợi ca: Tác giả thể hiện niềm trân trọng, nâng niu trước những phẩm chất tốt đẹp, vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật; đồng thời bày tỏ sự thấu cảm, xót thương sâu sắc cho những nỗi khổ, bất hạnh mà nhân vật phải gánh chịu.

+ Phê phán và thức tỉnh: Đối với những nhân vật tha hóa, tiêu cực, người kể chuyện giữ thái độ phê phán, lên án các hành vi sai trái, nhưng đằng sau đó thường là cái nhìn đau xót, nhằm mục đích thức tỉnh lương tri và hướng thiện.

+ Định hướng nhận thức cho người đọc: Thông qua thái độ yêu - ghét, ngợi ca - phê phán rõ ràng, tác giả kín đáo gửi gắm tư tưởng nhân đạo, lý tưởng thẩm mỹ và hướng người đọc đến những giá trị chân - thiện - mỹ trong cuộc sống.

5 Dạng câu hỏi: lý giải tình cảm thái độ của tác giả/người kể chuyện với nhân vật

- Lý giải vì sao tác giả lại thể hiện tình cảm, thái độ đó:

+ Lai lịch và ý thức giai cấp: Xuất thân và tầng lớp xã hội quyết định góc nhìn, mức độ thấu cảm hoặc phê phán của nhà văn đối với nhân vật.

+ Bối cảnh lịch sử và thế hệ: Thời đại sống và trải nghiệm thế hệ quy định hệ giá trị, khiến tác giả nhìn nhận nhân vật theo lăng kính thời chiến (sử thi) hay thời bình (đời tư).

+ Quan điểm nghệ thuật cá nhân: Triết lý sáng tác riêng của nhà văn là kim chỉ nam quyết định giọng điệu ca ngợi, trắc ẩn hay nghiêm khắc với số phận nhân vật.

KỸ NĂNG XỬ LÝ CÂU HỎI VẬN DỤNG

1 Yêu cầu câu hỏi vận dụng

- Năng lực đối chiếu và giải thích: Thí sinh chỉ rõ được điểm tương đồng, khác biệt giữa các hiện tượng văn học (chi tiết, hình tượng, văn bản) và lý giải được nguyên nhân dựa trên bối cảnh lịch sử, phong cách tác giả.

- Năng lực lập luận và phản biện: Thí sinh đưa ra quan điểm cá nhân một cách trực tiếp, bảo vệ ý kiến bằng hệ thống lý lẽ sắc bén và dẫn chứng thực tế thuyết phục.

- Yêu cầu về hình thức và thông điệp: Thí sinh đảm bảo dung lượng quy định (5–7 câu), diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, đồng thời rút ra bài học nhận thức mang tính nhân văn sâu sắc.

2 Dạng câu hỏi: bày tỏ quan điểm cá nhân, rút ra bài học nhận thức

- Đề bài đưa ra một vấn đề, một hành vi, suy nghĩ của nhân vật trong truyện và hỏi "Anh/Chị có đồng ý không? Vì sao?" hoặc "Thông điệp nào ý nghĩa nhất với anh/chị?".

- Trọng tâm trả lời:

+ Bước 1: Khẳng định trực tiếp quan điểm (1 câu) – Nêu rõ thái độ Đồng ý/Không đồng ý với vấn đề, hoặc gọi tên chính xác thông điệp ý nghĩa nhất.

+ Bước 2: Lập luận và đưa dẫn chứng (3–4 câu) – Dùng lý lẽ khách quan giải thích vì sao (đúng/sai, tích cực/tiêu cực) và liên hệ một dẫn chứng thực tế từ đời sống để chứng minh.

+ Bước 3: Rút ra bài học (1–2 câu) – Chuyển hóa thành bài học cụ thể cho bản thân (thay đổi nhận thức và đưa ra hành động tích cực, nhân văn).

3 Dạng câu hỏi: So sánh, đối chiếu

- Đề bài yêu cầu thí sinh tìm điểm tương đồng giữa hai nhân vật, hoặc hai đoạn truyện (có thể trong cùng một văn bản hoặc giữa hai văn bản khác nhau).

- Trọng tâm trả lời:

+ Bước 1: Xác định những điểm tương đồng

* Về đề tài, đối tượng và nội dung: Cùng viết về một đề tài, hướng tới một đối tượng (kiểu nhân vật) và phản ánh chung một hoàn cảnh số phận hoặc phẩm chất.

* Về nghệ thuật: Phát hiện những điểm tương đồng trong thủ pháp xây dựng và tổ chức tác phẩm: ngôi kể, điểm nhìn, tình huống truyện, lời người kể chuyện, lời nhân vật…

+ Bước 2: Lý giải và nêu thông điệp, tư tưởng: Sự gặp gỡ bắt nguồn từ yếu tố giai cấp, thời đại, bối cảnh hoặc quan điểm nghệ thuật của tác giả, từ đó truyền tải thông điệp nhân văn sâu sắc.